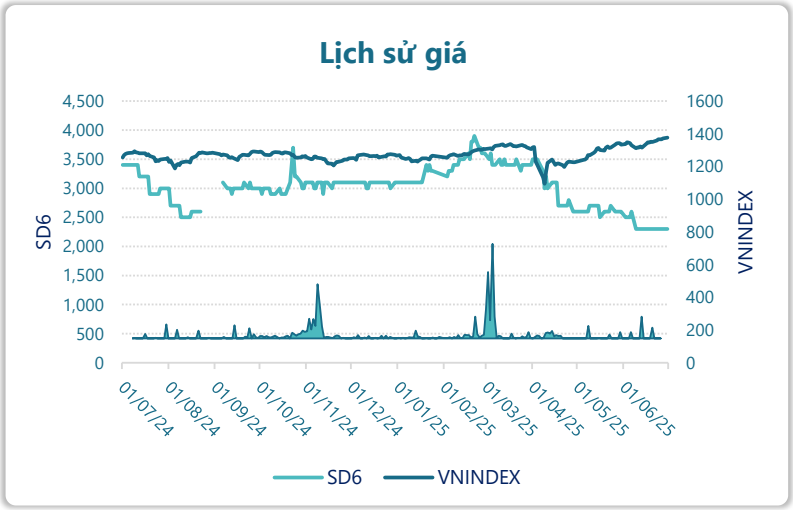
FireAnt

CTCP Sông Đà 6 (UPCOM: SD6)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	34,771,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,075
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80
P/E	-2.4
EPS	-965

DT thuần

Q2/25

3.97

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.4| -80.5%

YoY: ▼8.03| -66.9%

LN sau thuế

Q2/25

-5.72

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 34.4| 85.7%

YoY: ▲ 2.29| 28.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.5%

+/- YoY: ▲ 33.3%

DT thuần

6T 2025

24.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.4| -57.8%

LN sau thuế

6T 2025

-45.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼33.8| -283%

ROE

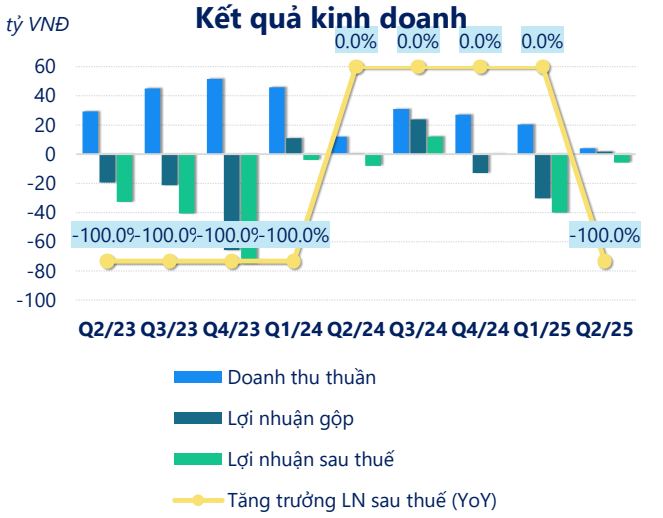
Q2/25

-22.3%

+/- YoY: ▲ 23.0%

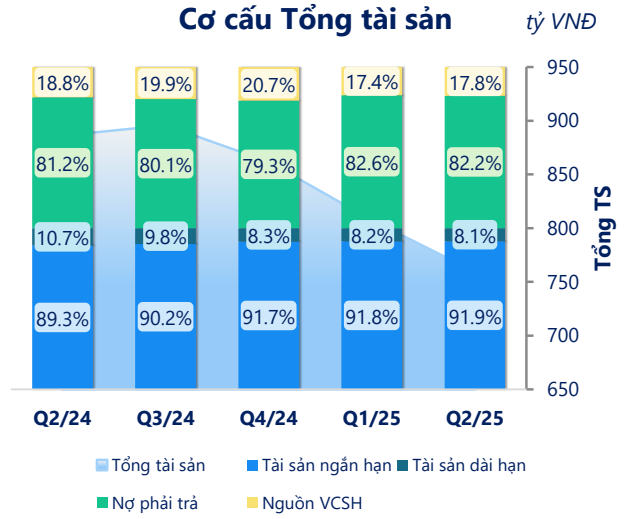
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



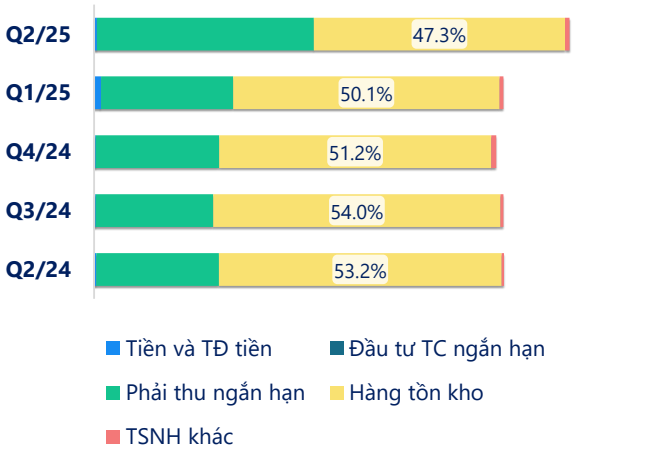
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



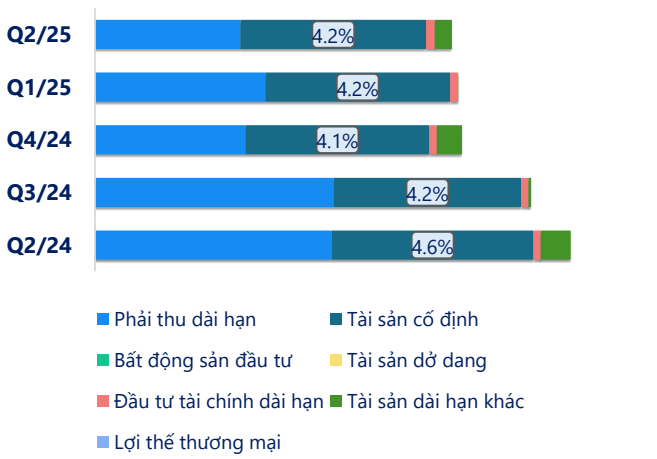
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



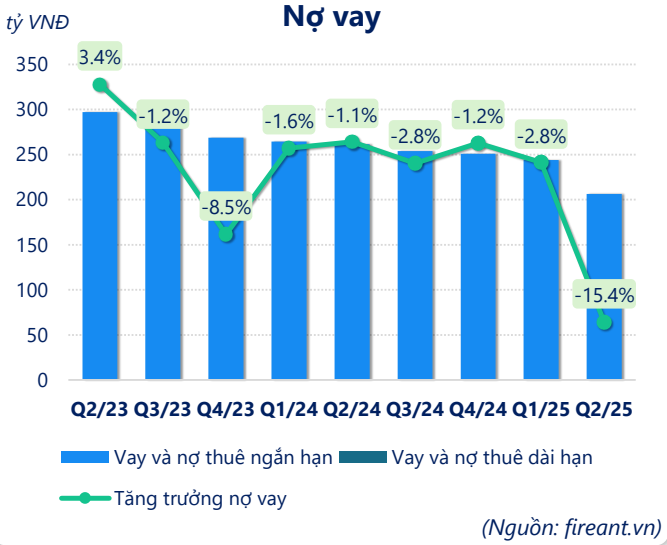
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



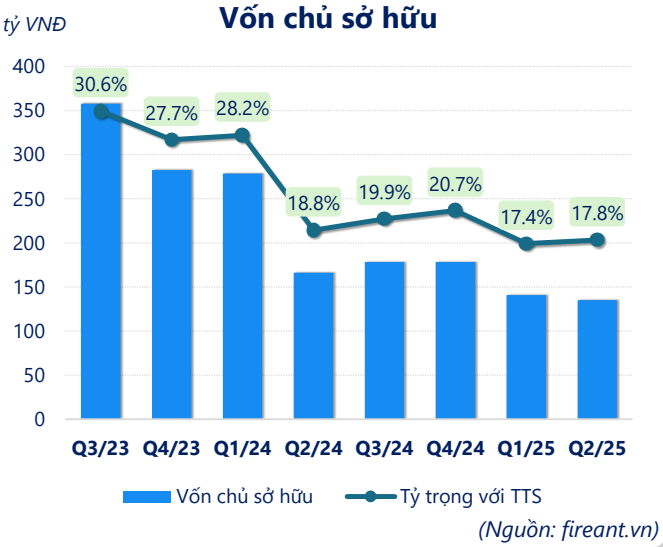
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



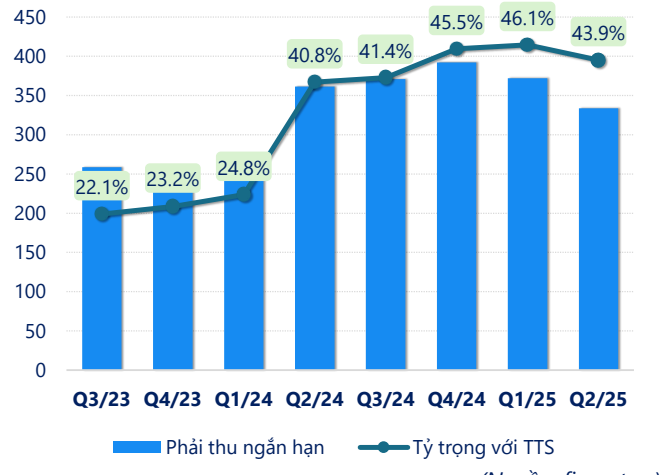
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



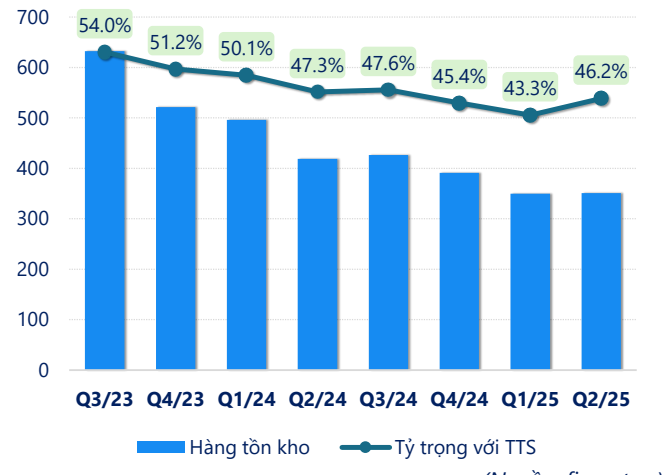
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



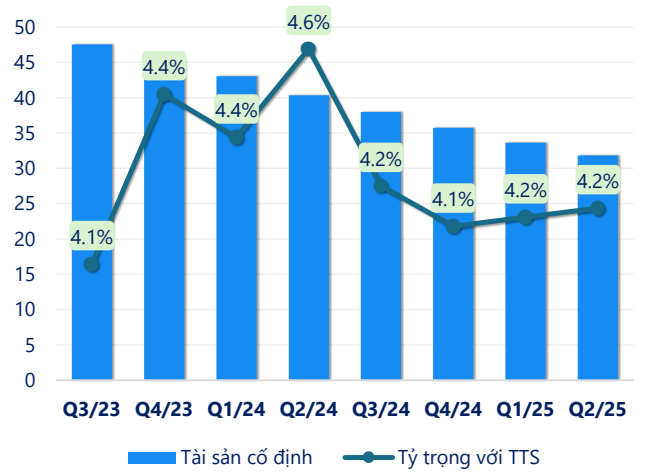
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



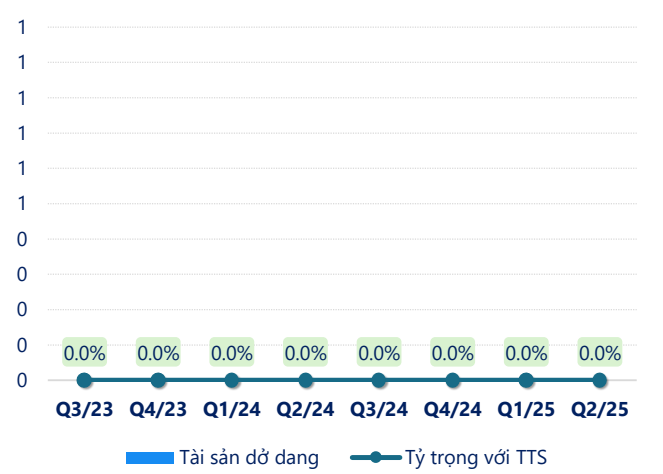
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



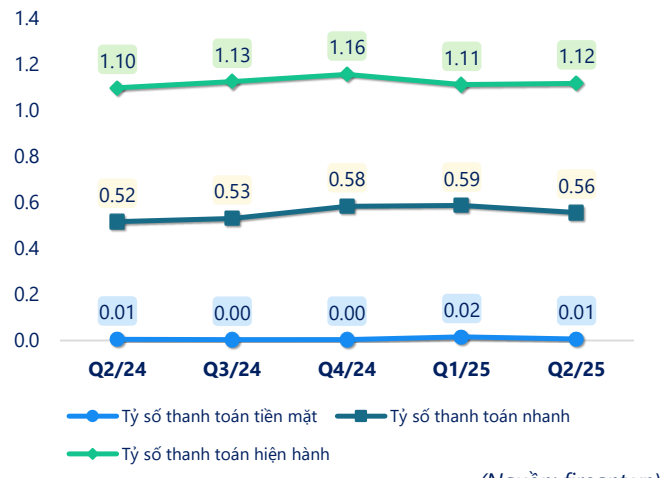
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



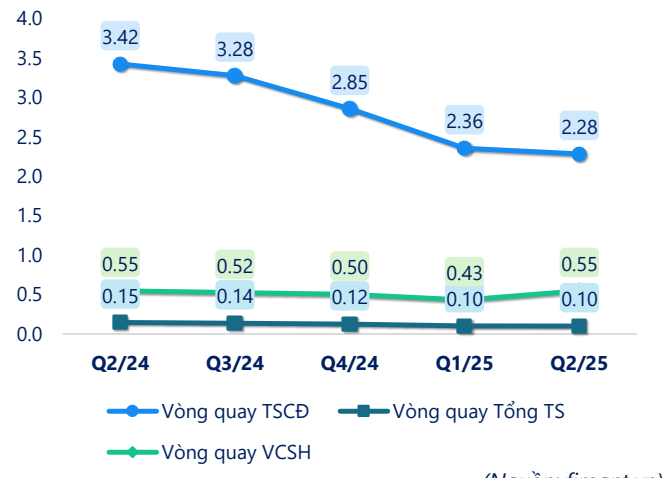
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**886**	**896**	**862**	**807**	**760**
Tài sản ngắn hạn	**791**	**808**	**790**	**741**	**698**
Tiền và tương đương tiền	3.64	2.75	2.83	10.5	4.10
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	361	371	392	372	334
Hàng tồn kho	419	427	391	350	351
Tài sản ngắn hạn khác	7.07	7.12	4.02	8.92	9.99
Tài sản dài hạn	**95.1**	**88.2**	**71.4**	**66.2**	**61.2**
Phải thu dài hạn	47.4	48.2	29.3	31.0	24.9
Tài sản cố định	40.3	38.0	35.7	33.7	31.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	1.44	1.44	1.44	1.44	1.45
Tài sản dài hạn khác	6.00	0.53	4.92	0.01	2.98
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**720**	**718**	**683**	**667**	**625**
Nợ ngắn hạn	**720**	**718**	**683**	**667**	**624**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	261	254	251	244	206
Phải trả người bán ngắn hạn	131	131	130	123	116
Nợ dài hạn	0.05	0.05	0.08	0.08	0.08
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**166**	**178**	**178**	**141**	**135**
Vốn chủ sở hữu	**166**	**178**	**178**	**141**	**135**
Vốn điều lệ	348	348	348	348	348
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)